

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKT ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)*

Ngành	:	Tài chính - Ngân hàng
Mã ngành	:	8340201
Trình độ	:	Thạc sĩ
Văn bằng	:	Thạc sĩ
Định hướng đào tạo	:	Ứng dụng
Số tín chỉ	:	60

1. Mục tiêu

Chương trình đào tạo thạc sĩ (định hướng ứng dụng) ngành Tài chính - Ngân hàng hướng đến đào tạo học viên có kiến thức chuyên sâu và năng lực thực hành về các hoạt động kinh doanh ngân hàng và hoạt động tài chính trong các định chế tài chính, công ty hay cơ quan quản lý tài chính Nhà nước. Từ đó, giúp cho học viên phát triển năng lực quản trị, phân tích, đánh giá, và giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Bên cạnh đó, chương trình cũng hướng đến đào tạo học viên có tinh thần trung thực và trách nhiệm cao trong công việc; tuân thủ pháp luật, có ý thức vì cộng đồng; có năng lực học hỏi và thích ứng nhanh với sự thay đổi trong xu thế hội nhập quốc tế và số hóa, tạo dựng thêm nền tảng, củng cố cho sự thành công và phát triển nghề nghiệp về sau.

Qua chương trình đào tạo, học viên sẽ có bản lĩnh chuyên môn vững vàng, tính chủ động và năng lực thực hành tốt trong công việc, đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao, đồng thời, có tư duy độc lập, có khả năng phân tích tình huống để giải quyết tốt các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn phát sinh tại doanh nghiệp và trở thành các quản trị viên các cấp tại các định chế tài chính, quản trị tài chính các cấp trong doanh nghiệp hay vị trí quản lý trong các cơ quan quản lý tài chính nhà nước.

2. Chuẩn đầu ra (CĐR)

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Học viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ (định hướng ứng dụng) ngành Tài chính - Ngân hàng có các năng lực sau:

TT	Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
1	PLO1	Đánh giá được các hoạt động kinh doanh ngân hàng, hoạt động tài chính trong các tổ chức kinh tế
2	PLO2	Giải quyết được các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng
3	PLO3	Có kỹ năng quản lý các hoạt động trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng
4	PLO4	Có năng lực giao tiếp đáp ứng các yêu cầu công việc
5	PLO5	Có năng lực sử dụng tiếng Anh trong môi trường làm việc toàn cầu hóa
6	PLO6	Có tinh thần trung thực và trách nhiệm cao trong công việc; tuân thủ pháp luật, có ý thức vì cộng đồng

2.2. Đối sánh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Thạc sĩ

2.2.1. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Thạc sĩ

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo. KT2: Kiến thức liên ngành có liên quan. KT3: Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	KN1: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học. KN2: Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.	TCTN1: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. TCTN2: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. TCTN3: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

	<p>KN3: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.</p> <p>KN4: Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.</p> <p>KN5: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	<p>TCTN4: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.</p>
--	---	--

2.2.2. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo khung trình độ quốc gia bậc Thạc sĩ

TT	Mã CDR	CDR về Kiến thức			CDR về Kỹ năng					CDR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
		KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1	PLO1	X											
2	PLO2	X			X					X		X	
3	PLO3			X			X	X					X
4	PLO4					X							
5	PLO5								X				
6	PLO6										X		

3. Cơ hội nghề nghiệp

Học viên tốt nghiệp có thể đảm nhiệm:

- Các vị trí quản trị các cấp hay công việc nghiệp vụ trong ngân hàng thương mại, các ngân hàng thuộc loại hình khác, các định chế tài chính khác như: Công ty bảo hiểm; Bảo hiểm xã hội; Công ty tài chính; Công ty cho thuê tài chính; Công ty chứng khoán; Quỹ đầu tư; Công ty đầu tư chứng khoán; Công ty quản lý quỹ; Công ty định mức tín nhiệm; Công ty tư vấn tài chính v.v....;

- Các vị trí quản trị tài chính các cấp hay công việc nghiệp vụ tài chính trong doanh nghiệp;

- Các vị trí quản lý hoặc công việc nghiệp vụ trong các đơn vị, cơ quan quản lý tài chính Nhà nước.

Ngoài ra học viên tốt nghiệp còn có thể công tác tại các viện nghiên cứu kinh tế, và có thể đảm nhiệm công tác giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng.

4. Chuẩn đầu vào

- Đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, trong đó ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.

Những ngoại ngữ được chấp nhận trong chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra được tham chiếu tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Những ngoại ngữ khác không nằm trong Phụ lục do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

5. Ngành phù hợp và các học phần phải học bổ sung

Ngành phù hợp là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng.

5.1. Ngành phù hợp không cần học bổ sung kiến thức

Người học có thể đăng ký dự tuyển sinh trình độ thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng và không cần học bổ sung kiến thức nếu đã tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp thuộc nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, bao gồm các ngành dưới đây:

- Tài chính - Ngân hàng;
- Tài chính doanh nghiệp;
- Tài chính tín dụng;
- Tài chính lưu thông tiền tệ tín dụng;
- Chứng khoán;
- Đầu tư tài chính;
- Tài chính công (hoặc Tài chính nhà nước);
- Bảo hiểm; ...

5.2. Ngành phù hợp cần học bổ sung kiến thức

Người học có thể đăng ký dự tuyển sinh trình độ thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng nhưng phải học bổ sung kiến thức nếu đã tốt nghiệp trình độ đại học các ngành phù hợp khác, bao gồm các ngành dưới đây:

- Các ngành thuộc nhóm Kinh doanh (Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh Thương mại, Quản trị du lịch dịch vụ và lữ hành, Quản trị khách sạn v.v.);
- Các ngành thuộc nhóm Kế toán - Kiểm toán;
- Các ngành thuộc nhóm Quản trị - Quản lý (Khoa học Quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý .v.v.);
- Các ngành thuộc nhóm Kinh tế học (Kinh tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế ngành, Kinh tế công v.v.);
- Ngành Thống kê.

Các học phần phải bổ sung kiến thức cụ thể như sau:

- Quản trị ngân hàng: 3 tín chỉ
- Thị trường và các định chế tài chính: 3 tín chỉ

6. Khung chương trình đào tạo

6.1. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Trong đó:	
			Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức chung	03	03	-
2	Khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	42	27	15
3	Thực tập, Đề án tốt nghiệp	15	15	-
Tổng		60	45	15

Khối kiến thức chung cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng và những kỹ năng chung cơ bản, là tiền đề cho các học phần của khối ngành, ngành và chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo về sau, đồng thời, cũng là tiền đề cho việc học tập nâng cao trình độ cho học viên sau khi tốt nghiệp thạc sĩ.

Khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành giúp bổ sung kiến thức và kỹ năng chung cơ bản của khối ngành kinh tế và kinh doanh, cũng như các kiến

thức chuyên sâu và kỹ năng liên quan đến các hoạt động trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

6.2. Các học phần và lộ trình dự kiến

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ dự kiến	
				Hệ VLVH	Hệ chính quy
I	Kiến thức chung				
1	SMT5001U	Triết học	3	1	1
II	Khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành				
A	Học phần bắt buộc				
2	STA5006U	Kinh tế lượng	3	1	1
3	BAN5003U	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3	1	1
4	FIN5006U	Tài chính công ty	3	2	2
5	BAN5007U	Quản trị ngân hàng thương mại	3	3	2
6	BAN5009U	Tài chính công	3	2	1
7	RMD5001U	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	1	1
8	FIN5004U	Quyết định đầu tư và tài trợ	3	3	2
9	ACC5013U	Phân tích báo cáo tài chính	3	3	2
10	FIN5002U	Quản trị danh mục đầu tư	3	2	2
B	Học phần tự chọn (chọn ít nhất 15 TC trong số các học phần sau)				
11	BAN5006U	Phân tích tín dụng	3	3	2
12	BAN5005U	Ngân hàng trung ương	3	1	1
13	FIN5007U	Tài chính quốc tế	3	2	1
14	BAN5004U	Ngân hàng đầu tư	3	2	1
15	FIN5001U	Công cụ phái sinh	3	3	2
16	MKT5002U	Quản trị marketing	3	3	2
17	IBS5002U	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	3	2

18	FIN5008U	Thị trường & các định chế tài chính	3	1	1
19	FIN5011U	Quản trị rủi ro tài chính	3	3	2
20	FIN5012U	Tài chính hành vi	3	1	1
21	MGT5004U	Lãnh đạo và đạo đức kinh doanh	3	3	2
C	Học phần tốt nghiệp				
22	BAN5011U	Thực tập	6	4	3
23	BAN5012U	Đề án tốt nghiệp	9	4	3
	Tổng		60		

7. Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần

Đính kèm theo chương trình đào tạo này.

8. Phương pháp giảng dạy

8.1. Phương pháp giảng dạy trực tiếp

Đối với phương pháp giảng dạy trực tiếp, thông tin được truyền đạt đến học viên theo cách trực tiếp: giáo viên giảng bài và học viên lắng nghe. Phương pháp này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và đặc biệt hiệu quả khi giảng viên muốn truyền đạt cho học viên những kiến thức cơ bản hoặc giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy trực tiếp được áp dụng đối với chương trình Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng bao gồm:

- *Giải thích cụ thể - Explicit Teaching (TLM1)*: với phương pháp này, giảng viên sẽ hướng dẫn và giải thích các khía cạnh của nội dung bài học, giúp học viên đạt được các kiến thức và kỹ năng.

- *Thuyết giảng - Lecture (TLM2)*: Giảng viên trình bày và giải thích nội dung bài giảng. Người dạy sẽ trình bày các chi tiết của bài giảng và học viên có trách nhiệm nghe và ghi lại các điều cần thiết để đạt được kiến thức.

8.2. Phương pháp phát triển tư duy

Phương pháp phát triển tư duy nhằm phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành kỹ năng phản xạ trong phương pháp học tập của học viên. Những phương pháp này được thiết kế để thúc đẩy tư duy

và học tập sáng tạo, độc lập; bao gồm: giải quyết vấn đề, động não và nghiên cứu trường hợp cụ thể. Các phương pháp phát triển tư duy được áp dụng trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng gồm:

- *Giải quyết vấn đề - Problem Solving (TLM4)*: Trong quá trình học, học viên phải dùng tư duy sâu và logic để nhìn nhận và giải quyết các vướng mắc giữa tình hình hiện tại và mục tiêu mong muốn, qua đó, học được các kiến thức mới trong khi đối mặt và giải quyết vấn đề.

- *Học theo tình huống - Case Study (TLM6)*: Đây là một phương pháp dạy lấy tâm điểm là học viên, giúp học viên tạo ra lối tư duy sâu để trao đổi với giảng viên, học viên khác. Với phương pháp này, giảng viên sẽ đưa ra các nhiệm vụ và các mốc thời gian tùy theo từng tình huống, vấn đề và thách thức gặp phải. Việc yêu cầu học viên xác định và phân tích vấn đề sẽ giúp học viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định và kỹ năng học tập.

8.3. Phương pháp dựa trên hoạt động

Phương pháp này khuyến khích học viên học tập thông qua các hoạt động thực tế. Những hoạt động này cũng cấp cho học viên cơ hội trải nghiệm thực tế, điều này sẽ thúc đẩy người học thực hiện các khám phá, đưa ra quyết định, giải quyết vấn đề và tự mình tương tác với người khác.

- *Đi thực tế - Field Trip (TLM9)*: Học viên được tham quan, khảo sát tại một số cơ quan quản lý nhà nước, các ngân hàng và định chế tài chính hay các doanh nghiệp để trải nghiệm môi trường làm việc thực tế trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, cung cấp các cơ hội khám phá và học hỏi chuyên môn trong công việc, xây dựng các kỹ năng nơi làm việc, dần hoàn thiện các kỹ năng cần thiết cho quá trình làm việc về sau. Phương pháp này được sử dụng cho một nhóm các học phần của chuyên ngành và được thực hiện gắn với hoạt động ngoại khóa của chương trình đào tạo.

- *Tranh luận - Debates (TLM10)*: Đây là Phương pháp mà giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan tới bài học và học viên, với những ý kiến khác nhau, cố thuyết phục người khác đồng ý với quan điểm của mình. Qua tranh luận, học viên

đạt được những kỹ năng hữu ích như tư duy sâu, đàm phán, ra quyết định và nói trước đám đông.

8.4. Phương pháp hợp tác

Phương pháp hợp tác giúp học viên trở nên năng động, có trách nhiệm và chu đáo, nhờ vào sự tương tác tích cực và hợp tác trong nhóm. Bên cạnh đó, học viên có thể thực hành các kỹ năng lắng nghe, tôn trọng và xem xét các mặt của một vấn đề. Phương pháp này tập trung vào cách làm cho học viên tương tác với nhau và sau đó áp dụng các kỹ năng này vào thực tế. Các phương pháp hợp tác được áp dụng trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng gồm:

- *Thảo luận - Discussion (TLM11)*: Một phương pháp mà học viên được chia thành các nhóm và đưa ý kiến về vấn đề giảng viên đã đưa ra từ trước. Phương pháp này giúp cho học viên phân tích các định nghĩa, ý tưởng, dữ liệu về chủ đề và bàn luận với thầy/cô, qua đó có thể liên kết các ý tưởng và làm rõ vấn đề.

- *Học nhóm - Teamwork Learning (TLM12)*: Học viên được chia thành những nhóm nhỏ để giải quyết vấn đề được cho và trình bày kết quả bằng báo cáo hoặc thuyết trình. Trong chương trình học, học viên được cung cấp kiến thức căn bản và kỹ năng làm việc nhóm từ năm nhất. Tiếp đó, họ sẽ luyện tập phương pháp này trong những học phần ở các cấp độ khác nhau.

- *Câu hỏi gợi mở - Inquiry (TLM13)*: Giảng viên sử dụng các câu hỏi hoặc vấn đề mở và hướng dẫn học viên/nhóm học viên trả lời từng bước một.

8.5. Phương pháp học tập độc lập

Các phương pháp phát triển tư duy được áp dụng trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng gồm:

- *Dự án nghiên cứu - Research Project (TLM14)*: Phương pháp này cho học viên khả năng lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp về một chủ đề một cách độc lập và còn hơn cả thế, dưới sự hướng dẫn của đội ngũ trong Khoa. Nó cũng tăng cường động lực học tập và tính chủ động học tập vì học viên được

quyền lựa chọn điều gì mà họ muốn trình bày. Khoa và DUE có thư viện với lượng sách dồi dào và cập nhật là tài nguyên hỗ trợ hữu ích cho việc tự học của học viên.

- *Học trực tuyến (TLM15)*: Giảng viên và học viên dùng các công cụ trực tuyến hỗ trợ quá trình dạy và học.

- *Bài tập - Work Assignment (TLM16)*: Học viên được yêu cầu phải hoàn thành các bài tập của giảng viên tại nhà. Qua quá trình này, học viên sẽ học được cách tự học, cũng như đạt được các kiến thức và kỹ năng.

Sự tương thích giữa phương pháp dạy và học và CDR của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra		Phương pháp dạy và học
PLO1	Đánh giá được các hoạt động kinh doanh ngân hàng, hoạt động tài chính trong các tổ chức kinh tế	TLM1,2,4,6,9,11,12,13,14,15,16
PLO2	Giải quyết được các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng	TLM1,2,4,6,10,11,12,14,16
PLO3	Có kỹ năng quản lý các hoạt động trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng	TLM1,2,11,12,14,15,16
PLO4	Có năng lực giao tiếp đáp ứng các yêu cầu công việc	TLM4,6,10,11,12,14
PLO5	Có năng lực sử dụng tiếng Anh trong môi trường làm việc toàn cầu hóa	TLM6,11,12, 14,16
PLO6	Có tinh thần trung thực và trách nhiệm cao trong công việc; tuân thủ pháp luật, có ý thức vì cộng đồng	TLM9,11,12,14,15,16

9. Phương pháp đánh giá

Đánh giá là quá trình ghi lại, lưu trữ và cung cấp thông tin về quá trình học tập của học viên. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục. Các phương pháp đánh giá được nêu rõ trong

Chương trình đào tạo này gắn với đề cương chi tiết từng học phần cấu thành nên chương trình đào tạo. Yêu cầu và tiêu chí của từng phương pháp đánh giá của từng học phần được các giảng viên phụ trách học phần đó thiết kế chi tiết và thông báo cho học viên vào buổi học đầu tiên.

Sau đây là những phương pháp đánh giá được áp dụng trong chương trình đào tạo Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng, định hướng ứng dụng:

- *Đánh giá chuyên cần - Attendance Check (AM1)*

Cùng với tự học, việc có mặt thường xuyên của học viên và những đóng góp từ học viên trong suốt môn học cũng thể hiện thái độ của họ tới môn học đó.

- *Đánh giá bài tập - Work Assignment (AM2)*

Học viên được yêu cầu làm bài tập liên quan đến bài học trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được hoàn thành bởi cá nhân hoặc nhóm và được cho điểm dựa theo những tiêu chí đã thông báo từ trước.

- *Đánh giá thuyết trình - Oral Presentation (AM3)*

Học viên được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan tới hoạt động thuyết trình trong giờ học hoặc sau giờ lên lớp. Các hoạt động này được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể (rubrics).

- *Kiểm tra tự luận - Essay (AM6)*

Theo phương pháp đánh giá này, học viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các yêu cầu tiêu chuẩn của khoá học.

- *Kiểm tra trắc nghiệm - Multiple choice exam (AM7)*

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, tuy nhiên điểm khác biệt là học viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

- *Báo cáo - Written Report (AM9)*

Học viên được đánh giá thông qua các báo cáo, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, hình vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

- *Đánh giá làm việc nhóm - Teamwork (AM11)*

Đánh giá công việc nhóm được sử dụng khi thực hiện các hoạt động giảng dạy nhóm và được sử dụng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của học viên. Phiếu đánh giá nhóm và tiêu chí đánh giá được công bố rõ.

Sự tương thích giữa phương pháp đánh giá và CDR chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra		Phương pháp đánh giá
PLO1	Đánh giá được các hoạt động kinh doanh ngân hàng, hoạt động tài chính trong các tổ chức kinh tế	AM1,2,3,6,7,9,11
PLO2	Giải quyết được các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng	AM1,2,3,6,9,11
PLO3	Có kỹ năng quản lý các hoạt động trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng	AM1,2,3,6,7,9,11
PLO4	Có năng lực giao tiếp đáp ứng các yêu cầu công việc	AM3,9,11
PLO5	Có năng lực sử dụng tiếng Anh trong môi trường làm việc toàn cầu hóa	AM2,3,6,9,11
PLO6	Có tinh thần trung thực và trách nhiệm cao trong công việc; tuân thủ pháp luật, có ý thức vì cộng đồng	AM1,11

Các phương pháp đánh giá nói trên có thể được thực hiện qua hình thức đánh giá trực tuyến nếu bảo đảm sự tin cậy, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần, trừ luận văn và học phần tốt nghiệp thực hiện theo quy định của Quy chế đào tạo thạc sĩ hiện hành.

10. Thang điểm đánh giá: Theo quy chế đào tạo tín chỉ.

11. Đối sánh với một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước

Đính kèm theo chương trình đào tạo này.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Hướng dẫn chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (định hướng ứng dụng) gồm 60 tín chỉ với thời gian đào tạo chuẩn được thiết kế là 1,5 năm đối với hệ chính quy; 02 năm đối với hệ VLVH.

Chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế.

Quá trình thực hiện chương trình tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Kinh tế. Mỗi năm học có hai học kỳ chính (bắt đầu từ giữa tháng 8 đến cuối tháng 6) và một học kỳ hè (bắt đầu từ đầu tháng 7 đến giữa tháng 8).

Theo lộ trình đào tạo dự kiến, học viên sẽ học các học phần thuộc khối kiến thức chung và kiến thức cơ sở ngành trong 1-2 kì học đầu tiên; các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành sẽ được học trong học kỳ 2 và 3. Học kỳ cuối cùng dành cho học phần tốt nghiệp (Làm đề án tốt nghiệp và đi thực tập đối với hệ VLVH vào học kỳ 4; hoặc Làm đề án tốt nghiệp và đi thực tập đối với hệ chính quy vào học kỳ 3). Đối với các học phần tự chọn, Khoa hướng dẫn học viên chọn các học phần phù hợp nhất với các mục tiêu học tập và nghề nghiệp của học viên cũng như các điều kiện thực tế và các yêu cầu xã hội.

Chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống đơn vị tín chỉ cho phép học viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân. Việc giảng dạy được thiết kế

và triển khai căn cứ theo mục tiêu của học phần, liên tục được cải thiện trên cơ sở ý kiến đóng góp từ người học, các giảng viên trong Khoa cũng như các đối tượng hữu quan khác.

Các học phần được tổ chức giảng dạy, đánh giá theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp theo quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

12.2. Hướng dẫn về đảm bảo chất lượng đào tạo

Chương trình đào tạo được xem xét và cập nhật hàng năm. Cứ sau 5 năm, chương trình đào tạo được xem xét tổng thể, toàn diện để có cập nhật cho phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

Việc thực hiện đảm bảo chất lượng đào tạo chương trình tuân thủ theo Chính sách chất lượng áp dụng tại Trường Đại học Kinh tế (ban hành kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-ĐHKT ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế).

Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
1	SMT5001U	Triết học		X	X	X		X
2	STA5006U	Kinh tế lượng		X			X	X
3	BAN5003U	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	X	X	X	X	X	X
4	FIN5006U	Tài chính công ty	X	X	X	X	X	X
5	BAN5007U	Quản trị ngân hàng thương mại	X	X	X	X	X	X
6	BAN5009U	Tài chính công	X	X		X	X	X
7	RMD5001U	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		X		X	X	X
8	FIN5004U	Quyết định đầu tư và tài trợ	X	X		X	X	X
9	ACC5013U	Phân tích báo cáo tài chính	X				X	X
10	FIN5002U	Quản trị danh mục đầu tư		X	X	X	X	X
11	BAN5006U	Phân tích tín dụng	X	X	X	X	X	X
12	BAN5005U	Ngân hàng trung ương		X		X	X	X
13	FIN5007U	Tài chính quốc tế		X	X	X	X	X
14	BAN5004U	Ngân hàng đầu tư		X		X	X	X
15	FIN5001U	Công cụ phái sinh		X		X	X	X
16	MKT5002U	Quản trị marketing		X	X	X	X	X
17	IBS5002U	Quản trị kinh doanh quốc tế		X	X	X	X	X
18	FIN5008U	Thị trường & các định chế tài chính		X		X	X	X
19	FIN5011U	Quản trị rủi ro tài chính		X	X	X	X	X
20	FIN5012U	Tài chính hành vi	X	X		X	X	X
21	MGT5004U	Lãnh đạo và đạo đức kinh doanh		X	X	X	X	X
22	BAN5011U	Thực tập	X	X	X	X		X
23	BAN5012U	Đề án tốt nghiệp	X	X	X	X		X

Đôi sánh với một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước

TT	Tên học phần	CT1	CT2	CT3	CT4
1	Triết học	X	X	C	C
2	Kinh tế lượng	X	X	X	C
3	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	X	C	X	C
4	Tài chính công ty	C	C	X	C
5	Quản trị ngân hàng thương mại	C	C	X	C
6	Tài chính công	C	C	X	C
7	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	C	X	X	X
8	Quyết định đầu tư và tài trợ	C	X	C	C
9	Phân tích báo cáo tài chính	C	C	C	C
10	Quản trị danh mục đầu tư	C	C	C	C
11	Phân tích tín dụng	C	C	C	C
12	Ngân hàng trung ương	C	C	C	C
13	Tài chính quốc tế	C	C	C	C
14	Ngân hàng đầu tư	C	C	X	C
15	Công cụ phái sinh	C	X	C	
16	Quản trị marketing	C	C	X	C
17	Quản trị kinh doanh quốc tế	C	C	C	C
18	Thị trường & các định chế tài chính	X	C	C	C
19	Quản trị rủi ro tài chính	C	C	X	C
20	Tài chính hành vi	X	C	X	C
21	Lãnh đạo và đạo đức kinh doanh	X	C	X	C

C (Close): Học phần có nội dung gần X: Học phần có nội dung tương thích
(Chi tiết của các chương trình đào tạo đôi sánh được đính kèm)

Chương trình 1: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng) – Khoa Sau đại học, trường ĐH Ngoại thương

(https://docs.google.com/document/d/16hGgFt9OZq-27i_2BezBPmk8OpKvI7Mi/edit)

Chương trình 2: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng – Khoa Sau đại học, Trường ĐH Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (<http://tuyensinh.buh.edu.vn/he-dao-tao/thac-si-72.html>)

Chương trình 3 : Master of Banking and Finance – Monash University, Úc
(<https://handbook.monash.edu/current/courses/B6004>)

Chương trình 4: Banking and Finance MSc - University of Nottingham, Anh
(<https://www.nottingham.ac.uk/pgstudy/course/taught/banking-and-finance-msc>)